TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ YÊN BÁI** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2019/HNGĐ-ST
Ngày 30-8-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hùng và bà Hà Thị Thanh Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Mai Huế – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 30/8/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 248/2019/TLST-HNGĐ ngày 08/7/2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/8/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim P – sinh năm 1988. Có mặt

Địa chỉ: Tổ 2, phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

2. Bị đơn: Anh Lương Năng K – Sinh năm 1983. Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 6, phường Y, thành phố Y tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/7/2019 và quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh Lương Năng K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái vào ngày 15/02/2012. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, anh K thường xuyên uống rượu dẫn đến cãi vã, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2019 cho đến nay. Mâu

thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Nay chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án nhân dân thành phố Yên Bái giải quyết cho chị được ly hôn anh Lương Năng K.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kim P và anh Lương Năng K có một con chung là Lương Thảo N, sinh ngày 11/4/2014, hiện đang ở cùng chị P. chị P đề nghị được nuôi cháu N, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn đề nghị ngày 01/8/2019, anh Lương Năng K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh K công nhận về thời gian, địa điểm kết hôn nhưng không nhất trí với nguyên nhân mâu thuẫn như chị P trình bày. Theo anh K, quá trình chung sống giữa anh K và chị P thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hai vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện nhưng không tìm được tiếng nói chung, anh K xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị P làm đơn xin ly hôn, anh K đồng ý ly hôn. Anh K đã nhận được các Thông báo của Tòa án nhưng do công việc đi làm xa nên không đến Tòa án được. Đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải giữa anh và chị P, xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Về con chung: Anh K công nhận về con chung như lời khai của chị P là đúng. Anh K đồng ý để chị P nuôi cháu Nhi và anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, sau khi thẩm tra tại phiên tòa, hội động xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Lương Năng K đã được giao nhận các văn bản tố tụng hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh K theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim P và anh Lương Năng K có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Uỷ ban nhân dân phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái theo giấy chứng nhận kết hôn số 06 ngày 15/02/2012, là hôn nhân hợp pháp.

Các đương sự đều thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, đến nay đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí ly hôn. Như vậy,

thể hiện mâu thuẫn giữa anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của chị P là chính đáng và có căn cứ, cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kim P và anh Lương Năng K xác nhận có một con chung là Lương Thảo N, sinh ngày 11/4/2014, hiện đang ở cùng chị P. Chị P và anh K đều có đề nghị giao cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét đề nghị của anh chị là tự nguyện, không trái pháp luật, cần chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim P phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim P được ly hôn anh Lương Năng K.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Kim P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lương Thảo N, sinh ngày 11/4/2014 cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái theo biên lai thu số AA/2017/0004963 ngày 08/7/2019.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo

quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND thành phố Yên Bái;
- Chi cục THADS TP. Yên Bái;
- UBND phường Y;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, TA, HSVA.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Bùi Quang Trung